

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung Danh mục các công trình, dự án
cần thu hồi đất trong năm 2022 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 5**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

*Căn cứ Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Đất đai được Bộ Tài nguyên và Môi trường xác thực tại Văn bản hợp
nhất số 04/VBHN-BTNMT ngày 04 tháng 5 năm 2021;*

*Xét Tờ trình số 2600/TTr-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung Danh mục các
công trình, dự án cần thu hồi đất trong năm 2022 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và
Tờ trình số 2861/TTr-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân
tỉnh Trà Vinh về việc bổ sung, điều chỉnh tên 01 công trình được HĐND tỉnh
thông qua tại Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 10 tháng 6 năm 2022 vào Danh
mục các công trình dự án cần thu hồi đất trong năm 2022 trên địa bàn tỉnh Trà
Vinh; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại
biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua điều chỉnh, bổ sung Danh mục các công trình, dự án
cần thu hồi đất trong năm 2022 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Cụ thể như sau:

Tổng số 08 công trình, dự án; với tổng diện tích đất 144,84 ha; tổng nhu cầu
vốn để giải phóng mặt bằng khoảng là 945.420 triệu đồng (*Chín trăm bốn mươi
lăm tỷ, bốn trăm hai mươi triệu đồng*). Cụ thể như sau:

1. Đăng ký mới: Tổng số 03 công trình, dự án với quy mô diện tích
khoảng 108,39 ha, tổng nhu cầu vốn để giải phóng mặt bằng khoảng là 786.400
triệu đồng (*Bảy trăm tám mươi sáu tỷ, bốn trăm triệu đồng*).

2. Đăng ký điều chỉnh: Tổng số 05 công trình, dự án với quy mô diện tích khoảng 36,45 ha, tổng nhu cầu vốn để giải phóng mặt bằng khoảng là 159.020 triệu đồng (*Một trăm năm mươi chín tỷ, không trăm hai mươi triệu đồng*).

(Đính kèm Phụ lục I, II)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa X - kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 07 tháng 7 năm 2022./. *KW*

Nơi nhận:

- UBND, Chính phủ;
- Các Bộ: TN và MT, KH và ĐT;
- Ban Công tác đại biểu - UBND;
- TT.TU, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các Sở, ngành: TN và MT, KH và ĐT, Tài chính, Cục Thuế, Cục Thống kê tỉnh;
- TT. HĐND, UBND cấp huyện;
- Hội đồng PBGDPL - Sở Tư pháp;
- Đài PT-TH, Báo Trà Vinh;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND.

CHỦ TỊCH



Kim Ngọc Thái



Phụ lục I

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH
(THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI - TỪ 10 ha ĐẤT TRỒNG LÚA, 20 ha ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ TRỞ LÊN)**

(Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm thực hiện dự án	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
TỔNG CỘNG: 01 công trình, dự án đăng ký mới, diện tích cần thu hồi 49,00ha.								
I	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ TRÀ VINH: 01 công trình, dự án	49,00	-					
A	Công trình, dự án đăng ký mới: 01 công trình, dự án	49,00	-					
1	Khu Đô thị Tây Nam Phường 7, thành phố Trà Vinh	49,00	-	Doanh nghiệp	Phường 7, thành phố Trà Vinh	Thực hiện thủ tục lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo quy định; khi doanh nghiệp được lựa chọn thực hiện dự án sẽ ứng tiền để thực hiện GPMB	- Luật Đầu tư năm 2020 và điểm b, khoản 2, Điều 31 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ; - Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 của UBND TPTV.	- Làm cơ sở để bổ sung hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 31 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ; - Có 31,42ha đất trồng lúa.

KW